TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 08/6/2023
Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn;

Ông Nguyễn Tiến Tịnh;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 143/2022/TLST-DS, ngày 21/10/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS, ngày 20/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐST-DS, ngày 19/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Địa chỉ trụ sở: Số 442 Nguyễn Thị Minh K, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P–Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ – Chức vụ: Giám đốc Phòng Quản lý nợ (theo giấy uỷ quyền số: 70/UQ-QLN.22, ngày 20/01/2022);

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đào Ngọc M (theo giấy uỷ quyền số: 2531/UQ-QLN.22, ngày 18/11/2022) – Có mặt;

Địa chỉ: Số 152-154-156 Y J, phường Thắng L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th – Vắng mặt, đã niêm yết hợp lệ;

Địa chỉ: Thôn Thổ Hoàng 4, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Đào Ngọc Minh trình bày:* Ngày 08/8/2020, giữa Ngân hàng TMCP A với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.341.080820 cho vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); mục đích cho vay: Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn mua bán hàng nông sản lưu động. Thời hạn cho vay 12 tháng, từ ngày ký kết ngày 08/8/2020; lãi suất cho vay 10.6%/năm; lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: lãi suất cho vay (%/năm) = LS13 + 3,0%/năm; lãi suất quá hạn 150%/năm và lãi chậm trả 10%/ năm.

Khi vay ông bà có thế chấp các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th căn cứ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL.BĐCN.381.040816 được công chứng tại Phòng công chứng số 2 (tỉnh Đắk Nông) ngày 10/8/2016, số công chứng 2532; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Mil thửa đất số 625, tờ bản đồ số 15, diện tích 500m^2, đất toạ lạc tại: xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đứng tên hộ ông Nguyễn Văn L vợ Nguyễn Thị Th; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Krông Nô, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 9, diện tích 13311m^2, đất tọa lạc tại: thôn Đắk Na, xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đứng tên hộ ông Nguyễn Văn L vợ Nguyễn Thị Th. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 08/6/2023 là 403.995.964 đồng, trong đó 300.000.000 đồng tiền gốc, 7.778.630 đồng tiền lãi trong hạn, 85.735.890 đồng tiền lãi quá hạn và 10.481.444 đồng tiền phạt chậm trả lãi.

Trường hợp đến hạn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất gồm thửa đất số 625, tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 9 để đảm bảo thu hồi nợ.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th:* Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L và bà Th nhưng ông bà đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền phạt chậm trả lãi trong hạn là 1.441.394 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 08/6/2023 là 394.955.914 đồng, trong đó gốc 300.000.000 đồng tiền gốc, 7.778.630 đồng tiền lãi trong hạn, 85.735.890 đồng tiền lãi quá hạn và 1.441.394 đồng tiền phạt chậm trả lãi trong hạn và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 9.040.050 đồng tiền phạt chậm trả lãi. Trường hợp ông L và bà Th không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 625, tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 9 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Về án phí dân sự: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thổ Hoàng 4, xã Đắk Sắk, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông L và bà Th đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không hợp tác để giải quyết vụ án, vắng mặt tại Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng:

Theo hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.341.080820, ký ngày 08/8/2020 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); mục đích cho vay: Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn mua bán hàng nông sản lưu động. Thời hạn cho vay 12 tháng, từ ngày ký kết ngày 08/8/2020; lãi suất cho vay 10.6%/năm; lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: lãi suất cho vay (%/năm) = LS13 + 3,0%/năm; lãi suất quá hạn 150%/năm và lãi chậm trả 10%/ năm.

Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, khi đến hạn trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nhưng ông L bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 2 của khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông L và bà Th phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc của cả hai Hợp đồng tín dụng là 300.000.000 đồng.

[2.2]. Về lãi suất:

Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A với ông L và bà Th theo hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

Tuy nhiên, đối với phần yêu cầu lãi suất chậm trả lãi 10% với số tiền 9.040.050 đồng tiền phạt chậm trả lãi trong hạn là không phù hợp với quy định của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/6/2023) gồm: 7.778.630 đồng tiền lãi trong hạn, 85.735.890 đồng tiền lãi quá hạn và 1.441.394 đồng tiền phạt chậm trả lãi trong hạn. Ông L và bà Th phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi trả xong nợ.

[2.3]. Đối với tài sản thế chấp:

[2.3.1]. Hiệu lực của hợp đồng thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay, ông L và bà Th đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: thửa đất số 625, tờ bản đồ số 15, diện tích 500m^2, đất toạ lạc tại: xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đứng tên hộ ông Nguyễn Văn L vợ Nguyễn Thị Th (đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Mil) và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 9, diện tích 13311m^2, đất tọa lạc tại: thôn Đắk Na, xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đứng tên hộ ông Nguyễn Văn L vợ Nguyễn Thị Th (đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Krông Nô). Như vậy, hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[2.3.2]. Về xác minh tài sản thế chấp:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/02/2023 và ngày 27/02/2023 xác định các thửa đất số 625, tờ bản đồ số 15, toạ lạc tại: xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: thôn Đắk Na, xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đứng tên hộ ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th trùng khớp với bản đồ giải thửa, với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực địa là đúng vị trí.

[3]. Về án phí dân sự:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

[4]. Về các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 8.000.000 đồng, nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền trên.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (08/6/2023) là 394.955.914 đồng *(Ba trăm chín mươi tư triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm mười bốn đồng)*, trong đó 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* tiền gốc, 7.778.630 đồng *(Bảy triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng)* tiền lãi trong hạn, 85.735.890 đồng *(Tám mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng)* tiền lãi quá hạn và 1.441.394 đồng *(Một triệu, bốn trăm bốn mươi mốt nghìn, ba trăm chín mươi tư đồng)* tiền phạt chậm trả lãi trong hạn và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th phải trả 9.040.050 đồng *(Chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn, không trăm năm mươi đồng)* tiền phạt chậm trả lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/6/2023), ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 625, tờ bản đồ số 15, diện tích 500m^2, đất toạ lạc tại: xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 9, diện tích 13311m^2, đất tọa lạc tại: thôn Đắk Na, xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 19.748.000 đồng *(Mười chín triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải nộp số tiền 452.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 17.056.000 đồng *(Mười bảy triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng)*. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 16.604.000 đồng *(Mười sáu triệu, sáu trăm linh bốn nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006916, ngày 20/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trương Ngọc Thanh